

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê – Hưu trí;

2. Ông Lê Đăng Huân – Hưu trí;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trinh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi C, sinh năm 1967; trú tại: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Tô Thị L, sinh năm 1969; trú tại: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Phi C trình bày:

Ông Nguyễn Phi C và bà Tô Thị L là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21/7/1995 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên ông C đề Tòa án giải quyết ly hôn với bà Tô Thị L.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung: Cháu Nguyễn Tô Kiều Y, sinh ngày 13/4/1996; cháu Nguyễn Tô Kiều D, sinh ngày 06/8/1998 và cháu Nguyễn Tô

Diệu P, sinh ngày 20/3/2009, các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu Y và cháu D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Phúc chưa đủ 18 tuổi, nguyện vọng của ông C giao cháu Nguyễn Tô Diệu P cho bà Tô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Tô Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như theo trình bày của ông Nguyễn Phi C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên gần đây ông C có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, ông C thường xuyên chửi bới vợ con và bỏ nhà đi. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn như vậy nhưng bà L vẫn mong muốn được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với ông C.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung: Cháu Nguyễn Tô Kiều Y, sinh ngày 13/4/1996; cháu Nguyễn Tô Kiều D, sinh ngày 06/8/1998 và cháu Nguyễn Tô Diệu P, sinh ngày 20/3/2009, các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu Y và cháu D đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Tô Diệu P, sinh ngày 20/3/2009, nếu có ly hôn thì bà L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Ông C và bà L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01-95 ngày 21/7/1995 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống giữa ông C và bà L bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận. Ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân của ông C, bà L chưa đến mức trầm trọng và bà L có nguyện vọng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C với bà Tô Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “Ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21/7/1995 tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk). Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông C và bà L là hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông C là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của ông C và bà L: Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi nhau. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn trên thì không còn nguyên nhân nào khác. Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng ông C có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà L vẫn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Theo biên bản xác minh ngày 27/9/2021 tại Chi hội phụ nữ thôn H, xã T xác định ông C có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên vắng nhà. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ ông C nhưng bà L vẫn tha thứ và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phi C với bà Tô Thị L.

[2.2] Về con chung và tài sản chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Nguyễn Phi C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002926 ngày 06/7/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi C về việc “Ly hôn” với bà Tô Thị L.

- Về con chung và tài sản chung: Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên không đặt ra để xem xét giải quyết

- Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Phi C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002926 ngày 06/7/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải